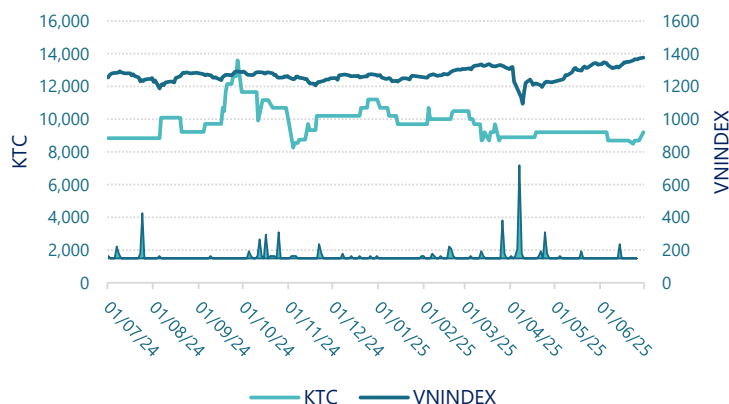


CTCP Thương mại Kiên Giang (UPCOM: KTC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,257
SL cổ phiếu LH	36,473,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
P/E	12.9
EPS	715

DT thuần

Q2/25

1,567

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 175 | 12.5%

YoY: ▼ 53.0 | -3.3%

LN sau thuế

Q2/25

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.20 | 1.3%

YoY: ▲ 2.74 | 29.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.5%

DT thuần

6T 2025

2,958

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 51.0 | -1.7%

LN sau thuế

6T 2025

23.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.40 | 1.7%

ROE

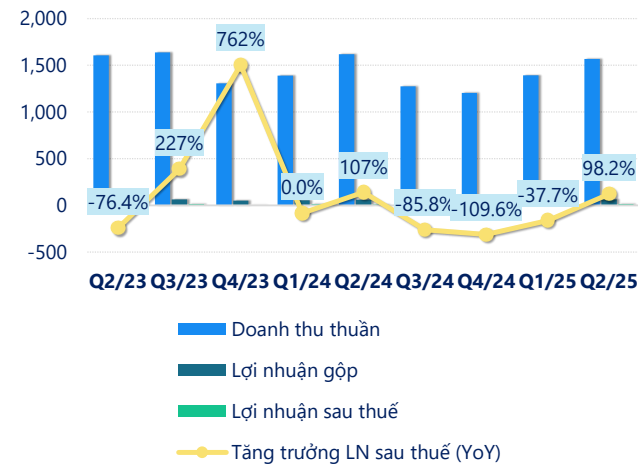
Q2/25

6.2%

+/- YoY: ▼ 3.7%

tỷ VNĐ

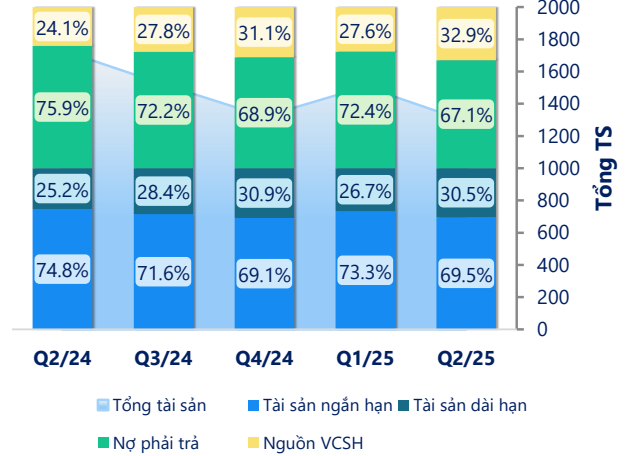
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

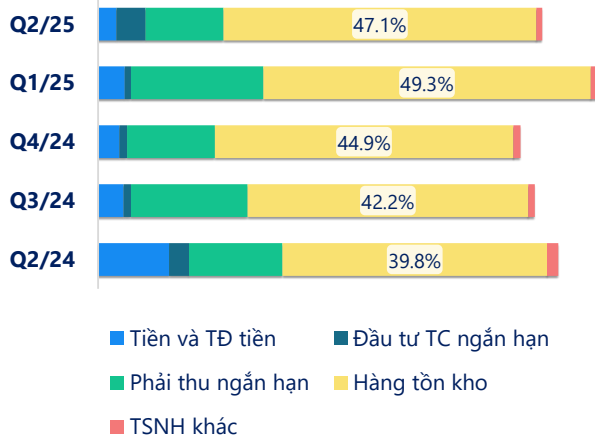
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



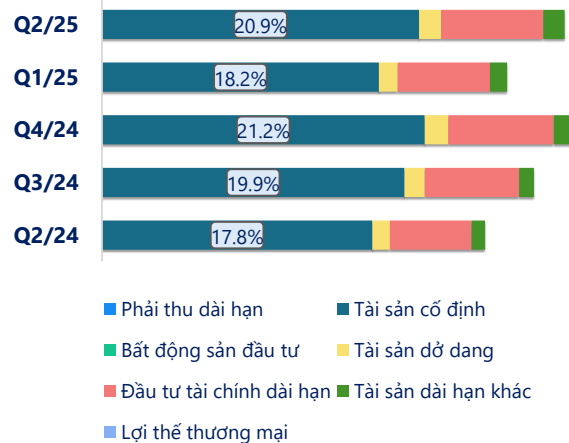
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

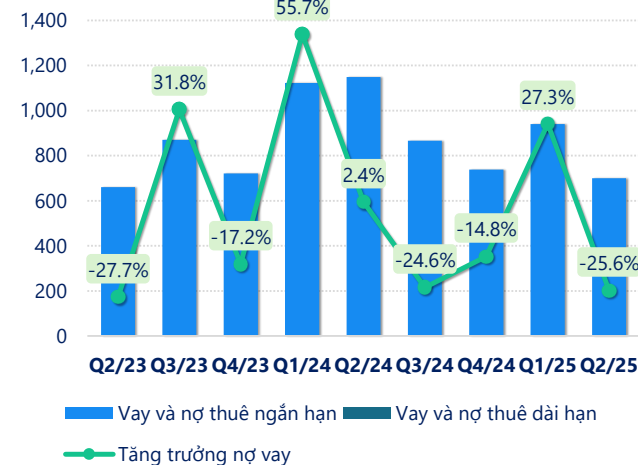
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

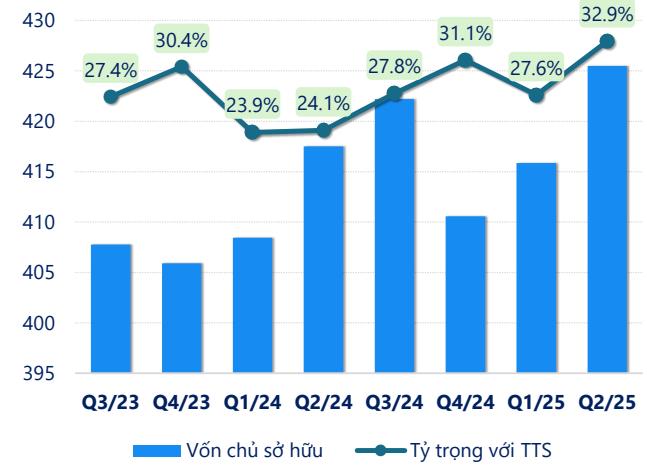
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

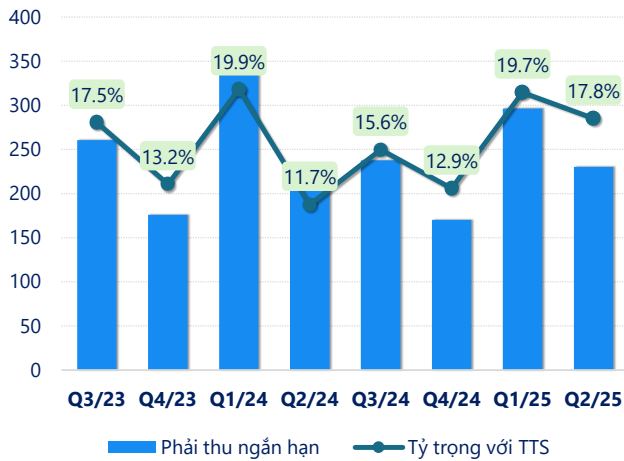
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



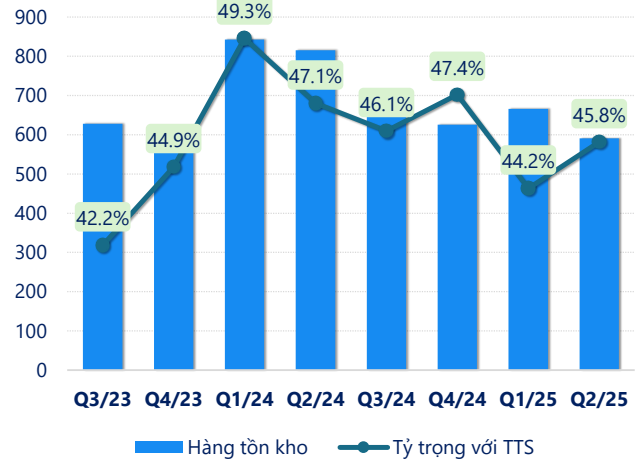
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


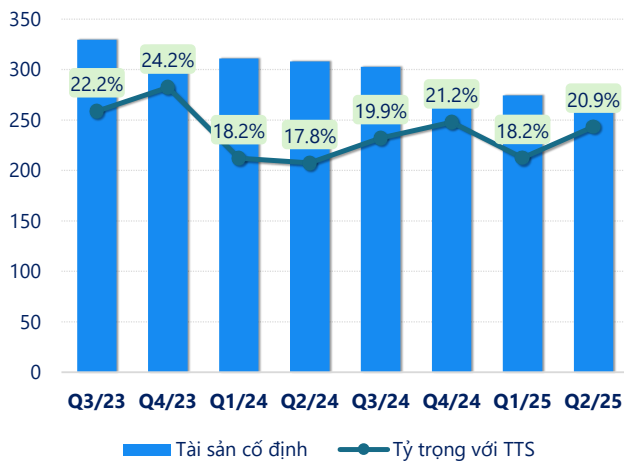
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


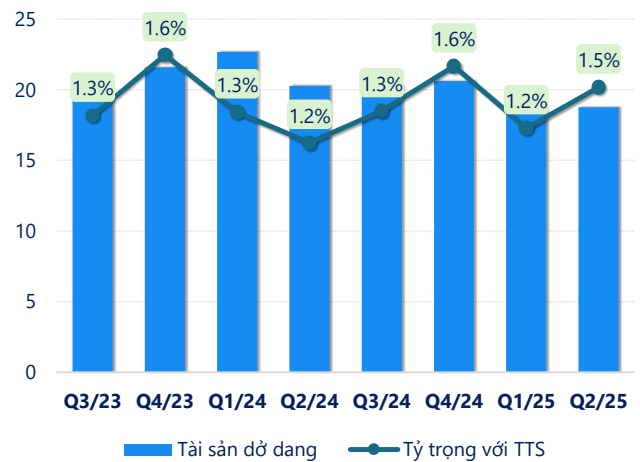
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

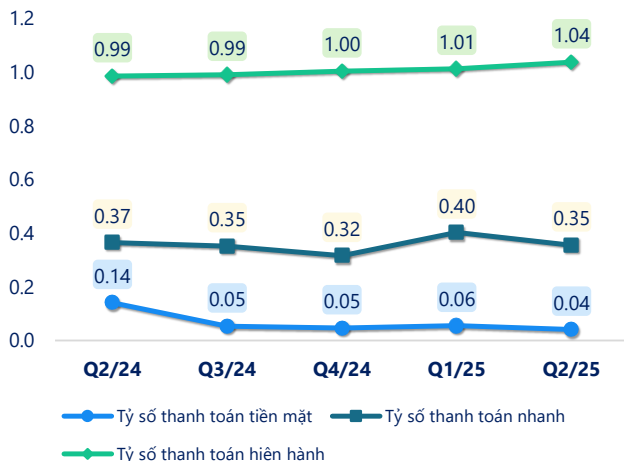
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

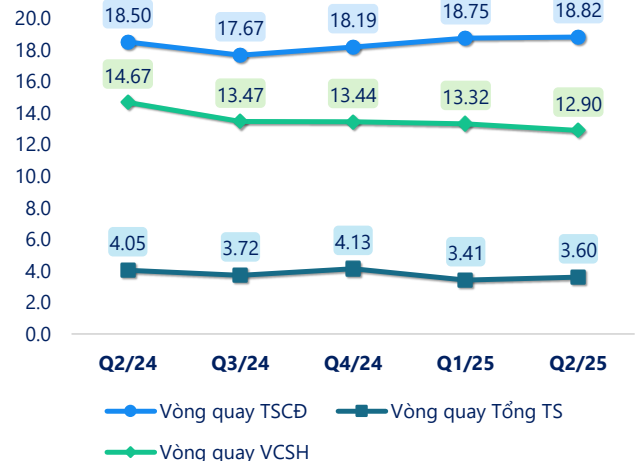
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,732	1,521	1,321	1,507	1,292
Tài sản ngắn hạn	1,295	1,089	914	1,105	898
Tiền và tương đương tiền	185	58.0	42.1	60.2	35.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.4	76.7	57.0	57.1	17.1
Phải thu ngắn hạn	203	238	170	296	230
Hàng tồn kho	815	702	626	666	591
Tài sản ngắn hạn khác	15.7	14.6	18.6	25.6	24.7
Tài sản dài hạn	437	433	408	402	393
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	308	303	281	275	270
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.3	20.3	20.6	18.8	18.8
Đầu tư tài chính dài hạn	93.0	94.5	91.5	91.5	86.8
Tài sản dài hạn khác	15.6	15.1	15.1	17.0	18.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,314	1,099	911	1,091	866
Nợ ngắn hạn	1,314	1,099	911	1,091	866
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,149	866	738	940	700
Phải trả người bán ngắn hạn	39.7	102	59.0	47.4	52.8
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	418	422	411	416	425
Vốn chủ sở hữu	418	422	411	416	425
Vốn điều lệ	365	365	365	365	365
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)